

Câu	Đáp Án	Điểm
Câu 1	a) Hàm số $f(x, y)$ liên tục tại $(0, 0)$ khi và chỉ khi $\lim_{(x,y) \rightarrow (0,0)} f(x, y) = f(0, 0).$	0.5
	Mặt khác, ta có $\lim_{(x,y) \rightarrow (0,0)} f(x, y) = \lim_{(x,y) \rightarrow (0,0)} \frac{\sin(x^2 + y^2)}{x^2 + y^2} = 1.$ Vì vậy $f(0, 0) = 1.$	0.5
	b) Ta có $f_x(x, y) = 2x + y, f_y(x, y) = x + 2y.$ Giải hệ phương trình $\begin{cases} f_x(x, y) = 0 \\ f_y(x, y) = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ y = 0 \end{cases}.$ Suy ra $(0, 0)$ là điểm kỳ dị nằm trên biên của miền $D.$	0.5
	Trên biên $OA: y = 0, 0 \leq x \leq 1.$ Ta có $f_{OA}(x) = f(x, 0) = x^2, 0 \leq x \leq 1.$ Suy ra $\max_{x \in [0,1]} f_{OA}(x) = 1 \text{ tại } x = 1, \text{ và } \min_{x \in [0,1]} f_{OA}(x) = 0 \text{ tại } x = 0.$ Trên biên $AB: x = 1, 0 \leq y \leq 1.$ Ta có $f_{AB}(y) = f(1, y) = y^2 + y + 1, 0 \leq y \leq 1.$ Suy ra $\max_{y \in [0,1]} f_{AB}(y) = 3 \text{ tại } y = 1, \text{ và } \min_{y \in [0,1]} f_{AB}(y) = 0 \text{ tại } y = 0.$	0.5
	Trên biên $OB: y = x, 0 \leq x \leq 1.$ Ta có $f_{OB}(x) = f(x, x) = 3x^2, 0 \leq x \leq 1.$ Suy ra $\max_{x \in [0,1]} f_{OB}(x) = 3 \text{ tại } x = 1, \text{ và } \min_{x \in [0,1]} f_{OB}(x) = 0 \text{ tại } x = 0.$	0.5
	Vì vậy $\max_D f(x, y) = 3$ tại $(x, y) = (1, 1),$ và $\min_D f(x, y) = 0$ tại $(x, y) = (0, 0).$	0.5
Câu 2	a) Gọi S là diện tích cần tìm. Khi đó ta có $S = \iint_D dA,$ với D là miền phẳng cần tìm diện tích. Đặt $\begin{cases} x = r \cos \theta \\ y = r \sin \theta \end{cases} \Rightarrow J = r.$ Phương trình trong tọa độ cực $x^2 + y^2 = 4 \Rightarrow r = 2.$ $x^2 + y^2 = 9 \Rightarrow r = 3.$	0.5

$$y = 0 \Rightarrow \theta = 0; \quad y = \sqrt{3}x \Rightarrow \theta = \frac{\pi}{3}.$$

Ta có biểu diễn của miền D trong tọa độ cực

$$D = \left\{ (r, \theta) : 0 \leq \theta \leq \frac{\pi}{3}, 2 \leq r \leq 3 \right\}.$$

Suy ra

$$S = \iint_D dA = \int_0^{\frac{\pi}{3}} \int_2^3 r dr d\theta = \frac{\pi}{3} \frac{r^2}{2} \Big|_{r=2}^{r=3} = \frac{5\pi}{6}.$$

0.5

b) Giao tuyến của hai mặt $x^2 + y^2 = 2z$ và $z = 2$

$$\begin{cases} x^2 + y^2 = 2z \\ z = 2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x^2 + y^2 = 4 \\ z = 2 \end{cases}.$$

Hình chiếu của miền E lên mặt phẳng Oxy là miền D giới hạn bởi

$$x^2 + y^2 = 4.$$

$$\text{Đặt } \begin{cases} x = r \cos \theta \\ y = r \sin \theta \\ z = z \end{cases} \Rightarrow J = r.$$

Phương trình trong tọa độ trụ

$$x^2 + y^2 = 2z \Rightarrow z = \frac{r^2}{2}.$$

$$x^2 + y^2 = 4 \Rightarrow r = 2.$$

Ta có biểu diễn của miền E trong tọa độ trụ

$$E = \left\{ (r, \theta, z) : 0 \leq \theta \leq 2\pi, 0 \leq r \leq 2, \frac{r^2}{2} \leq z \leq 2 \right\}.$$

Suy ra

$$\begin{aligned} \iiint_E (x^2 + y^2) dV &= \int_0^{2\pi} \int_0^2 \int_{\frac{r^2}{2}}^2 r^2 \cdot r dz dr d\theta = \int_0^{2\pi} \int_0^2 r^3 \left(2 - \frac{r^2}{2} \right) dr d\theta \\ &= 2\pi \left(\frac{r^4}{2} - \frac{r^6}{12} \right) \Big|_{r=0}^{r=2} = \frac{16\pi}{3}. \end{aligned}$$

0.5

c) Ta có

$$I = \int_0^1 \int_0^{\sqrt{1-x^2}} \int_{\sqrt{x^2+y^2}}^{\sqrt{2-x^2-y^2}} x dz dy dx = \iiint_E x dV,$$

trong đó E là miền có biểu diễn

$$E = \left\{ (x, y, z) : 0 \leq x \leq 1, 0 \leq y \leq \sqrt{1-x^2}, \sqrt{x^2+y^2} \leq z \leq \sqrt{2-x^2-y^2} \right\}.$$

Giao tuyến của $z = \sqrt{x^2+y^2}$ và $z = \sqrt{2-x^2-y^2}$ là đường tròn

$$\begin{cases} z = \sqrt{x^2+y^2} \\ z = \sqrt{2-x^2-y^2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x^2 + y^2 = 1 \\ z = 1 \end{cases}.$$

Hình chiếu của miền E lên mặt phẳng Oxy là miền D giới hạn bởi

$$x^2 + y^2 = 4, x \geq 0, y \geq 0.$$

$$\text{Đặt } \begin{cases} x = \rho \sin \phi \cos \theta \\ y = \rho \sin \phi \sin \theta \\ z = \rho \cos \phi \end{cases} \Rightarrow J = \rho^2 \sin \phi.$$

Phương trình trong tọa độ cầu

	$z = \sqrt{x^2 + y^2} \Rightarrow \phi = \frac{\pi}{4}.$ $z = \sqrt{2 - x^2 - y^2} \Leftrightarrow \begin{cases} z \geq 0 \\ x^2 + y^2 + z^2 = 2 \end{cases} \Rightarrow \rho = \sqrt{2}.$ <p>Ta có biểu diễn của miền E trong tọa độ cầu</p> $E = \left\{ (\rho, \theta, \phi) : 0 \leq \theta \leq \frac{\pi}{2}, 0 \leq \phi \leq \frac{\pi}{4}, 0 \leq \rho \leq \sqrt{2} \right\}.$	
	<p>Suy ra</p> $I = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \int_0^{\frac{\pi}{4}} \int_0^{\sqrt{2}} \rho \sin \phi \cos \theta \cdot \rho^2 \sin \phi d\rho d\phi d\theta$ $= \int_0^{\frac{\pi}{2}} \cos \theta d\theta \cdot \int_0^{\frac{\pi}{4}} \sin^2 \phi d\phi \cdot \int_0^{\sqrt{2}} \rho^3 d\rho$ $= \sin \theta \Big _0^{\frac{\pi}{2}} \cdot \frac{1}{2} \left(\phi - \frac{\sin 2\phi}{2} \right) \Big _0^{\frac{\pi}{4}} \cdot \frac{\rho^4}{4} \Big _0^{\sqrt{2}} = \frac{1}{2} \left(\frac{\pi}{4} - \frac{1}{2} \right).$	0.5
Câu 3	<p>a) Đặt $P(x, y) = e^y$, $Q(x, y) = xe^y - 2y$. Ta có</p> $\frac{\partial P}{\partial y}(x, y) = \frac{\partial Q}{\partial x}(x, y) = e^y.$ <p>Suy ra phương trình đã cho là phương trình vi phân toàn phần.</p> <p>Vì vậy tích phân tổng quát của phương trình là</p> $U(x, y) = C,$ <p>với C là hằng số và</p> $U(x, y) = \int_0^x P(x, y) dx + \int_0^y Q(0, y) dy = \int_0^x e^y dx + \int_0^y -2y dy = xe^y - y^2.$	0.5
	<p>b) Xét phương trình đặc trưng $\lambda^2 - 5\lambda + 4 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} \lambda = 1 \\ \lambda = 4 \end{cases}$.</p> <p>Suy ra nghiệm tổng quát của phương trình tuyến tính thuần nhất $y'' - 5y' + 4y = 0$ là</p> $y_1 = c_1 e^x + c_2 e^{4x}, \quad c_1, c_2 \text{ là các hằng số.}$	0.5
	<p>Tìm nghiệm riêng của phương trình $y'' - 5y' + 4y = e^{2x}$ dạng</p> $y_2 = a e^{2x}. \text{ Thay vào phương trình ta tìm được } y_2 = -\frac{e^{2x}}{2}.$	0.5
	<p>Tìm nghiệm riêng của phương trình $y'' - 5y' + 4y = \sin x$ dạng</p> $y_3 = a \cos x + b \sin x. \text{ Thay vào phương trình ta tìm được}$ $y_3 = \frac{5}{34} \cos x + \frac{3}{24} \sin x.$	0.5
	<p>Suy ra nghiệm riêng của phương trình $y'' - 5y' + 4y = e^{2x} + \sin x$ là</p> $y_4 = y_2 + y_3 = -\frac{e^{2x}}{2} + \frac{5}{34} \cos x + \frac{3}{24} \sin x.$ <p>Vậy nghiệm tổng quát của phương trình là</p> $y = y_1 + y_4 = c_1 e^x + c_2 e^{4x} - \frac{e^{2x}}{2} + \frac{5}{34} \cos x + \frac{3}{24} \sin x, \quad c_1, c_2 \text{ là các hằng số.}$	0.5
Câu 4	<p>Gọi $A(t)$ là số người nghe được quảng cáo về thuốc tại thời điểm t trong số một triệu khách hàng với đơn vị là triệu người. Theo đề bài ta có</p> $\frac{d}{dt} A(t) = k(1 - A(t)), \quad 0 \leq A \leq 1,$ <p>với k là hằng số tỉ lệ, t là thời biến thời gian và lưu ý rằng tại thời điểm</p>	0.5

	ban đầu $A_0 = A(0) = 0$.	
	Giải bài toán ta tìm được nghiệm $A(t) = (A_0 - 1)e^{-kt} + 1 = 1 - e^{-kt}.$ Hơn nữa, ta có $A(1) = \frac{1}{2}$ suy ra $k = \ln 2$. Vì vậy, sau hai năm ta có $A(2) = 1 - e^{-2\ln 2} = \frac{3}{4}$ triệu khách hàng hay có 750.000 khách hàng nghe được quảng cáo về thuốc.	0.5